

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/KDTM-ST.

Ngày: 27-6-2024.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh

Ông Lương Thanh Nhàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2024/TLST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-KDTM ngày 06/6/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH T2; địa chỉ trụ sở: Số A, đường P, tổ D, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh V năm 1986; địa chỉ liên lạc: KC32/30, khu phố C, đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 01/4/2024. Có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH T2; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 1462, tờ bản đồ số 59, tổ C, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Anh T – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông **Trần Minh V1** trình bày:**

Ngày 24/10/2022, giữa **Công ty TNHH T2** cung cấp hàng hóa là thực phẩm dùng để chế biến suất ăn công nghiệp số 013HD TP-TND/CCTP, theo đó bên **Công ty TNHH T2** hàng có công nợ cho **Công ty TNHH T2** mua hàng có trách nhiệm thanh toán tiền đúng hạn đã được giao kết. Phương thức giao nhận hàng và thanh toán đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bên **Công ty T3** phạm nghĩa vụ thanh toán nên hai bên xảy ra tranh chấp. Trong quá trình diễn ra giao dịch, thông qua đối chiếu và xác nhận ngày 16/12/2022 bên Công ty T2FOOD nợ tiền hàng Công ty T1 số tiền cụ thể như sau:

- Tổng số tiền nợ tháng 11/2022: 300.000.900 đồng;
- Tổng tiền nợ kỳ 1 tháng 12/2022: 157.437.200 đồng;
- Tổng cộng: 457.438.100 đồng.

Từ ngày 16/12/2022 đến ngày 19/01/2024 **Công ty T4** trả được cho Công ty T1 số tiền 220.436.500 đồng. Công ty T2 còn nợ Công ty T1 số tiền 237.001.600 đồng. Mặc dù, Công ty T1 đã nhắc nợ, đòi nợ nhưng **Công ty T5** cố tình không chịu trả tiền mua hàng theo thỏa thuận, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của **Công ty T2** Đối với số tiền nợ Công ty T2 đã trả trong tổng số tiền nợ thì Công ty T2 trả theo hình thức là trả một phần nhỏ gộp chung với số tiền nợ của đơn hàng khác nên ông **V2** định không liệt kê ra được cụ thể nhưng ông **V2** định trong tổng số tiền hàng 457.438.100 đồng thì **Công ty T4** trả được số tiền 220.436.500 đồng, còn nợ số tiền 237.001.600 đồng mà **Công ty T6** khởi kiện.

Công ty TNHH T2 kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho **Công ty TNHT2** T1 số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 237.001.600 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm lẻ một nghìn sáu trăm đồng), chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc mà không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh.

*** Bị đơn Công ty TNHH T2:** Công ty TNHH T2 và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông **Nguyễn Anh T1** được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho **Công ty TNHT2** T1 số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 237.001.600 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm lẻ một nghìn sáu trăm đồng), chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc mà không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng hóa còn thiếu. Đây là loại tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại đều vì mục đích lợi nhuận giữa hai chủ thể có đăng ký kinh doanh. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là Công ty TNHH T2, có trụ sở tại: Thửa đất số 1462, tờ bản đồ số 59, tổ C, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương có thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án.

Theo Công văn số 147/ĐKKD ngày 29/3/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 là ông Nguyễn Anh T, có chỗ ở hiện tại: Thửa đất số 1462, tờ bản đồ số 59, tổ C, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và đại diện bị đơn tại địa chỉ: T, tờ bản đồ số 59, tổ C, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị đơn: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, ông Nguyễn Anh T cũng không có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 24/10/2022 giữa Công ty TNHH T2 kết Hợp đồng số 013 TP-TND/CCTP cung cấp hàng hóa là thực phẩm dùng để chế biến suất ăn công nghiệp, theo đó bên Công ty TNHH T2 hàng có công nợ cho Công ty TNHH T2. Tuy nhiên, sau ngày 19/01/2024 Công ty T7 nợ nguyên đơn số tiền 237.001.600 đồng nhưng không trả

cho nguyên đơn. Nguyên đơn cung cấp Hợp đồng số 013 TP-TND/CCTP ngày 24/10/2022, Biên bản xác nhận công nợ ngày 16/12/2022 có xác nhận của phía bị đơn và bản sao kê tài khoản ngân hàng làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 về hình thức hợp đồng mua bán hàng hoá xác định:

“1. Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.

2. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hoá mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó.”

Do đó, việc mua bán hàng hoá giữa các bên trong trường hợp này phù hợp quy định pháp luật về hình thức của hợp đồng mua bán hàng hoá. Việc mua bán hàng hoá giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Căn cứ vào Biên bản xác nhận công nợ ngày 16/12/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện tính đến ngày 15/12/2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng hóa là 457.438.100 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định từ ngày 16/12/2022 đến ngày 19/01/2024 Công ty T4 trả được số tiền 220.436.500 đồng nên tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 237.001.600 đồng. Do đó, việc khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T2 phải thanh toán giá trị hàng hóa còn thiếu theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 16/12/2022 của Công ty T2 là có căn cứ. Công ty T8 yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc mà không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 24 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005;
- Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên Công ty TNHH T2 đối với bị đơn Công ty TNHH T2 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH T2 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH T2 số tiền 237.001.600 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm lẻ một nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH T2 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH T2 phải chịu số tiền 11.850.080 đồng (mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn không trăm tám mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH T2 số tiền 11.148.762 đồng (mười một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000735 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Văn Thị Thanh Trúc